

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2018.

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tăng Thị Bạch Vân

2. Ông Trần Xươngne

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31/5/2018 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn A, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp E, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ thường trú và hiện cư trú tại: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn A thì vụ án có nội dung như sau:**

Nguyên đơn A và bị đơn B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên Đỗ Nguyễn Duy C, sinh ngày 18/6/2015 và Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/5/2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp và không cùng quan điểm sống nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Từ khi sinh con gái nhỏ đến nay vợ chồng không sống chung. Nguyên đơn A thì nuôi con gái nhỏ còn bị đơn B thì nuôi con trai lớn.

Nguyên đơn A cho rằng, hiện nay không còn tình cảm yêu thương bị đơn B và cương quyết không về sống chung cùng bị đơn B. Vì vậy, nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn vợ là bị đơn B.

- *Về con chung*: Nguyên đơn A yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/5/2017, còn bị đơn B nuôi con chung tên Đỗ Nguyễn Duy C, sinh ngày 18/6/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Ngọc B trình bày*: Bà thừa nhận nguyên đơn A trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng sự thật. Bị đơn B đồng ý ly hôn vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Bị đơn B yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu nguyên đơn A cấp dưỡng nuôi con, vì cho rằng khi sinh 02 con bị đơn đều sinh mổ nên việc sinh thêm con sẽ rất khó khăn do ảnh hưởng đến sức khỏe.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, giải quyết để ông Đỗ Văn A được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Ngọc B. Giao cháu Đỗ Nguyễn Duy C cho bà B nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thị Tường D cho ông A nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông A và bà B. Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, nguyên đơn A yêu cầu được ly hôn và bị đơn B cũng đồng ý ly hôn, vì cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A, tuyên bố nguyên đơn Đỗ Văn A được ly hôn vợ là bị đơn Nguyễn Ngọc B.

[2] *Về con chung*: Nguyên đơn A yêu cầu tiếp tục nuôi con gái nhỏ tên D, còn bị đơn B nuôi con trai lớn tên C, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn B thì yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu nguyên đơn A cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu xin cầu nuôi con chung của các đương sự thì thấy rằng: Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Mặc dù cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận cháu D đang sống với cha là nguyên đơn A từ sau khi sinh được 04 ngày cho đến nay, còn cháu C đang sống với mẹ là bị đơn B. Các đương sự đều thừa nhận, cả nguyên đơn A và bị đơn B đều có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, gia đình cha mẹ của các đương sự đều có điều kiện để nuôi con, nuôi cháu, lời thừa nhận của các đương sự phù hợp với chứng cứ do các bên cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập. Tuy nhiên, để một người nuôi cả 02 đứa con nhỏ theo yêu cầu của bị đơn B thì chắc chắn bị đơn B sẽ gặp nhiều khó khăn về thời gian cũng như kinh tế. Mặt khác, bị đơn B cũng thừa nhận sau khi sinh cháu Vy được 04 ngày thì nguyên đơn A và gia đình nguyên đơn A đã trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, việc chăm sóc và nuôi dưỡng con nguyên đơn A vẫn thực hiện tốt. Vì vậy, sau khi xem xét điều kiện nuôi con của các đương sự, cũng như các phân tích đánh giá nêu trên, để bảo vệ quyền và lợi ích về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cho nguyên đơn A được tiếp tục, trực tiếp nuôi con gái nhỏ tên Đỗ Thị Tường D và giao cho bị đơn B được tiếp tục, trực tiếp nuôi con trai lớn tên Đỗ Nguyễn Duy C đến khi các con chung đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn A và bị đơn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[4] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn Đỗ Văn A được ly hôn vợ là bị đơn Nguyễn Ngọc B.

2. Về con chung:

- Nguyên đơn A được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Thị Tường D, sinh ngày 27/5/2017 đến khi đủ 18 tuổi.

- Bị đơn B được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Nguyễn Duy C, sinh ngày 18/6/2015 đến khi đủ 18 tuổi.

- Nguyên đơn A và bị đơn B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn A và bị đơn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm năm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0002300, ngày 28/5/2018.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung